

DOI:10.22144/ctu.jvn.2020.067

## CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN NĂNG SUẤT XUẤT BẢN QUỐC TẾ CỦA GIẢNG VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Hồ Hữu Phương Chi\* và Nguyễn Tuấn Kiệt

Khoa Kinh tế, Trường Đại học Cần Thơ

\*Người chịu trách nhiệm bài viết: Hồ Hữu Phương Chi (email: [hhpchi@ctu.edu.vn](mailto:hhpchi@ctu.edu.vn))

### Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 20/11/2019

Ngày nhận bài sửa: 30/05/2020

Ngày duyệt đăng: 29/06/2020

### Title:

Determinants of international publications by academics at Can Tho University

### Từ khóa:

Đại học Cần Thơ, nghiên cứu khoa học, xuất bản quốc tế

### Keywords:

Can Tho University, international publications, scientific research

### ABSTRACT

The paper is to study factors affecting international publishing productivity of Can Tho University's lecturers (researchers not included). The results of regression model based on the data of 158 lecturers show that male lecturers produce more international publications than women counterparts. Academics who studied abroad have more international publications than those studied domestically. In addition, other factors such as professional qualifications, international research preference level, number of research hours per week, and funding for scientific research also have a positive impact on the international publications of academics of Can Tho University.

### TÓM TẮT

Nghiên cứu nhằm phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến năng suất xuất bản quốc tế của giảng viên<sup>1</sup> Trường Đại học Cần Thơ. Kết quả cho thấy năng suất xuất bản quốc tế của trường Đại học Cần Thơ chỉ đạt mức thấp, khoảng 0,35 bài/giảng viên/năm. Từ kết quả mô hình hồi quy dựa trên số liệu của 158 giảng viên, giảng viên là nam giới có năng suất xuất bản quốc tế cao hơn nữ giới và giảng viên học tập và tốt nghiệp ở nước ngoài có năng suất xuất bản quốc tế cao hơn so với giảng viên tốt nghiệp ở trong nước. Ngoài ra, các yếu tố khác như trình độ chuyên môn, mức độ yêu thích nghiên cứu khoa học quốc tế, số giờ nghiên cứu trong tuần và kinh phí dành cho nghiên cứu khoa học cũng có tác động tích cực đến năng suất xuất bản quốc tế của giảng viên Trường Đại học Cần Thơ.

Trích dẫn: Hồ Hữu Phương Chi và Nguyễn Tuấn Kiệt, 2020. Các nhân tố ảnh hưởng đến năng suất xuất bản quốc tế của giảng viên Trường Đại học Cần Thơ. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 56(3C): 177-183.

## 1 GIỚI THIỆU

Nghiên cứu khoa học (NCKH) là một trong những nhiệm vụ chính của một giảng viên. Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2014 về chế độ

làm việc đối với giảng viên có quy định: Giảng viên phải dành ít nhất 1/3 tổng quỹ thời gian để tham gia hoạt động NCKH. Tuy nhiên thời gian cho hoạt động NCKH của giảng viên chưa cao, công trình và thành tích NCKH của giảng viên ở các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam nhìn chung vẫn còn rất thấp

<sup>1</sup> Trường ĐHTC còn có nghiên cứu viên hợp đồng, tuy nhiên trong nghiên cứu này chỉ tập trung vào giảng viên cơ hữu có hợp đồng dài hạn.

so với khu vực và trên thế giới. Theo số liệu từ trang dữ liệu Scopus truy cập vào ngày 07/01/2019, công bố quốc tế của Việt Nam vào năm 2018 là 8.234 bài, thấp hơn rất nhiều so với các nước trong khu vực là Malaysia với 30.892 bài, Indonesia với 29.031 bài và Singapore với 21.872 bài.

Hiện nay, trong thời đại xu thế quốc tế hóa, toàn cầu hóa, hoạt động NCKH không chỉ dừng lại ở yêu cầu xuất bản bài báo, kỹ yếu hội thảo trong nước mà quan trọng hơn cả là phải xuất bản bài báo, kỹ yếu quốc tế. Hoạt động công bố quốc tế đóng vai trò quan trọng đối với đối với khoa, viện, các cơ sở giáo dục đại học nơi giảng viên công tác và đối với cá nhân giảng viên.

Đối với cơ sở giáo dục đại học, công trình xuất bản quốc tế là cơ sở để đánh giá xếp hạng các trường đại học, cao đẳng, góp phần nâng cao vị thế, danh tiếng của trường trong khu vực và trên thế giới. Đối với khoa, viện trực thuộc trường, công bố quốc tế góp phần nâng cao uy tín của khoa, viện, thu hút được nhiều sinh viên, học viên tham gia các khóa học, chương trình đào tạo cũng như tăng cường giao lưu, hợp tác quốc tế. Đối với cá nhân giảng viên, công trình nghiên cứu quốc tế góp phần nâng cao uy tín của giảng viên, là điều kiện cần để xét học hàm và là cơ sở để xét thi đua, khen thưởng, đánh giá viên chức.

Chính vì vai trò to lớn của công bố quốc tế, mục tiêu của bài viết này là tập trung đánh giá thực trạng và phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến năng suất xuất bản quốc tế của giảng viên Trường Đại học Cần Thơ, qua đó đề ra các hàm ý chính sách để nâng cao năng suất xuất bản quốc tế của đội ngũ giảng viên.

## 2 TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1 Tổng quan tài liệu và mô hình nghiên cứu

Năng lực nghiên cứu của giảng viên luôn được quan tâm và đã có rất nhiều nghiên cứu về đề tài này. Fox (1983) cho rằng những nhân tố ảnh hưởng đến năng suất nghiên cứu đến từ cá nhân của người nghiên cứu như: sở thích làm việc, tuổi tác, môi trường làm việc, uy tín của khoa, viện. Tương tự, Hughes (1998) cho rằng bên cạnh yếu tố sở thích và môi trường làm việc, các yếu tố khác như trình độ chuyên môn, kiến thức xã hội cũng có tác động tích cực đến năng suất nghiên cứu của người nghiên cứu.

Để xác định năng suất nghiên cứu, Hadjinicola and Soteriou (2005) chỉ rõ rằng năng suất nghiên cứu của một cơ sở giáo dục được tính thông qua số

lượng bài báo được công bố. Những nhân tố chính tác động đến năng suất nghiên cứu bao gồm: quỹ hỗ trợ nghiên cứu, nguồn tài nguyên điện tử và nguồn lực từ học viên thạc sĩ, nghiên cứu sinh. Tuy nhiên nghiên cứu này chỉ nghiên cứu tác động của các nhân tố đến năng suất nghiên cứu chung của trường chứ không tách ra cho từng giảng viên.

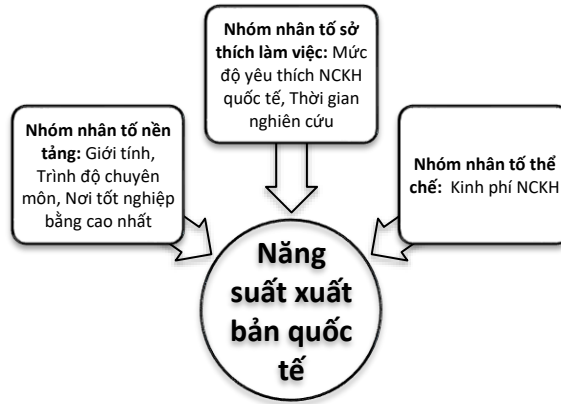
Bentley (2012) đã đề cập đến vấn đề giới tính trong năng suất nghiên cứu của giảng viên ở các trường đại học của Úc. Ông đã chỉ ra rằng sự khác biệt giới tính có ảnh hưởng rất lớn đến năng suất nghiên cứu. Điều này cũng tương đồng với nghiên cứu của Huỳnh Trường Huy (2014) khi cho rằng nữ giới có năng suất nghiên cứu thấp hơn so với nam giới vì một số lý do như hoàn cảnh gia đình, sức khỏe, mức độ yêu thích công việc,... Tương tự, Bentley (2012) còn chỉ ra rằng các nhân tố khác ảnh hưởng đến năng suất nghiên cứu là nơi cấp bằng tiến sĩ, thời gian nghiên cứu và hợp tác quốc tế. Các yếu tố về gia đình và thể chế chính sách không có ý nghĩa nhiều đến hoạt động NCKH.

Đối với các nghiên cứu trong nước, Phan Thị Tú Nga (2011) đã chỉ ra rằng nhân tố quan trọng làm giảm năng suất cũng như chất lượng nghiên cứu là việc thiếu kinh phí hoạt động và trang thiết bị không đáp ứng được yêu cầu, điều này cũng tương đồng với nghiên cứu của Huỳnh Thanh Nhã (2016) khi chỉ ra rằng yếu tố tác động đến khả năng nghiên cứu khoa học là môi trường làm việc.

Ngoài ra, Nguyễn Trọng Tuấn (2013) cho rằng áp lực về thời gian là một trong những nhân tố làm giảm năng suất nghiên cứu của giảng viên. Bên cạnh đó, động lực để tiến hành NCKH của họ chưa cao, nên cần có những chính sách thúc đẩy hoạt động này từ phía nhà trường, khoa, viện.

Nhìn chung, những nghiên cứu trước đây ở Việt Nam chỉ mới tìm hiểu những nhân tố tác động đến hoạt động NCKH nói chung, tuy nhiên hoạt động NCKH quốc tế mà công trình là các xuất bản quốc tế mang một vài đặc tính riêng khác với NCKH trong nước. Vì vậy, một nghiên cứu về tác động của các nhân tố đến năng suất xuất bản quốc tế là rất cần thiết, qua đó đề xuất giải pháp nhằm nâng cao số lượng xuất bản quốc tế của từng giảng viên nói riêng và của cả cơ sở giáo dục đào tạo nói chung.

Trong phạm vi của bài viết này, phương pháp hồi quy đa biến sẽ được sử dụng để xác định các nhân tố ảnh hưởng đến năng suất xuất bản quốc tế. Từ những nghiên cứu trước đó, mô hình hồi quy đã biến được xây dựng như sau:



Hình 1: Mô hình nghiên cứu

## 2.2 Dữ liệu

Dữ liệu sử dụng trong bài viết này được thu thập từ hai nguồn: số liệu kê khai của các giảng viên qua hệ thống quản lý của Trường do Ban biên tập của Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ và Trung tâm Thông tin và Quản trị mạng cung cấp và số liệu từ phỏng vấn trực tiếp 158 giảng viên của Trường.

## 2.3 Phương pháp phân tích

Mô hình hồi quy đa biến có dạng như sau:

$$Y = \beta_0 + \beta_1 X_1 + \beta_2 X_2 + \dots + \beta_n X_n + u_i$$

Trong đó, Y là biến phụ thuộc là số lượng xuất bản quốc tế của một giảng viên bình quân của giai đoạn nghiên cứu để giảm sự biến động.

$X_i$  là nhóm biến độc lập gồm các nhân tố được lược khảo từ những nghiên cứu trước đây, cụ thể như sau:

– Giới tính: Về trung bình, giảng viên nam có năng suất NCKH nói chung và NCKH quốc tế nói riêng tốt hơn giảng viên nữ. Điều này được lý giải là do phụ nữ phải dành nhiều thời gian cho gia đình và chăm sóc con cái, và thể trạng của phụ nữ không tốt bằng nam giới.

– Trình độ chuyên môn: Trình độ chuyên môn càng cao thì năng suất nghiên cứu càng cao. Hầu hết các xuất bản có chất lượng được giảng viên thực hiện ở giai đoạn sau khi tốt nghiệp tiến sĩ. Điều này được lý giải là do, giảng viên được trau dồi, rèn luyện kinh nghiệm, kiến thức về NCKH trong quá trình học tập tiến sĩ nên năng lực NCKH sẽ dần được

cải thiện, phát huy dẫn đến năng suất NCKH ngày một tốt hơn.

– Nơi tốt nghiệp bằng cấp cao nhất: Ngoại ngữ có thể là một yếu tố ảnh hưởng đến công bố quốc tế của giảng viên. Việc giảng viên học tập thạc sĩ, tiến sĩ ở nước ngoài sẽ giúp giảng viên phát triển được năng lực ngoại ngữ, tiếp cận tài liệu nước ngoài dễ dàng hơn, giúp giảng viên có năng suất nghiên cứu quốc tế tốt hơn.

– Mức độ yêu thích NCKH quốc tế: Năng suất NCKH quốc tế còn bị tác động rất lớn bởi sở thích của cá nhân giảng viên. Nhiều giảng viên yêu thích xuất bản bài báo trong nước hơn quốc tế vì xuất bản quốc tế tốn nhiều thời gian, tốn nhiều chi phí và yêu cầu chất lượng khắt khe hơn. Bên cạnh năng lực nghiên cứu của bản thân giảng viên, nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng, sở thích nghiên cứu của giảng viên cũng có tác động đến năng suất nghiên cứu khoa học nói chung và nghiên cứu quốc tế nói riêng.

– Thời gian nghiên cứu: Nhiều hoạt động nghiên cứu khoa học là hoạt động sáng tạo và điều này sẽ cần nhiều thời gian của giảng viên. Do đó, giảng viên càng dành nhiều thời gian cho NCKH thì khả năng có được công bố khoa học sẽ càng cao.

– Kinh phí NCKH: Nghiên cứu khoa học quốc tế yêu cầu nguồn chi phí rất lớn, đặc biệt là việc đăng bài trên những tạp chí hàng đầu. Nguồn chi phí này được dùng để thu thập số liệu, viết và chỉnh sửa bài báo, phí đăng bài,... Do đó kinh phí nghiên cứu sẽ ảnh hưởng theo hướng tích cực với năng suất nghiên cứu.

**Bảng 1: Mô tả các biến độc lập trong mô hình hồi quy và kỳ vọng**

Biến	Diễn giải	Do lường	Kỳ vọng	Nguồn
X <sub>1</sub>	Giới tính	1: Nam; 0: Nữ	+	Fox (1983), Bentley (2012), Huỳnh Trường Huy (2014)
X <sub>2</sub>	Trình độ chuyên môn	1: Cử nhân; 2: Thạc sĩ; 3: Nghiên cứu sinh; 4: Tiến sĩ	+	Hughes (1998)
X <sub>3</sub>	Nơi tốt nghiệp bằng cấp cao nhất	1: Nước ngoài, 0: Trong nước	+	Bentley (2012)
X <sub>4</sub>	Mức độ yêu thích NCKH quốc tế	Thang Likert 5 mức độ, 1: Rất không thích – 5: Rất thích	+	Fox (1983)
X <sub>5</sub>	Thời gian nghiên cứu	Số giờ nghiên cứu trong tuần (giờ)	+	Bentley (2012), Nguyễn Trọng Tuấn (2013)
X <sub>6</sub>	Kinh phí NCKH (dùng cho đề tài NCKH)	Log của số tiền dành cho NCKH quốc tế	+	Hadjinicola and Soteriou (2005), Phan Thị Tú Nga (2011)

### 3 KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

#### 3.1 Thực trạng xuất bản quốc tế và trong nước của Trường Đại học Cần Thơ

**Bảng 2: Thực trạng năng suất bản quốc tế các NCKH của Trường Đại học Cần Thơ giai đoạn 2013-2018**

Chỉ tiêu	2014	2015	2016	2017	2018
Số bài báo quốc tế (bài)	67	89	101	133	185
Số bài báo trong nước (bài)	704	684	704	636	749
<b>Tổng số bài báo xuất bản (bài)</b>	<b>771</b>	<b>773</b>	<b>805</b>	<b>769</b>	<b>934</b>
Tỷ lệ bài báo quốc tế (%)	8,7	11,5	12,5	17,3	19,8
Năng suất xuất bản chung (bài/giảng viên) <sup>a</sup>	1,54	1,51	1,56	1,48	1,77
Năng suất xuất bản quốc tế (bài/giảng viên) <sup>b</sup>	0,13	0,17	0,20	0,26	0,35

Nguồn: Trung tâm Thông tin & Quản trị mạng - Trường Đại học Cần Thơ, 2019

Ghi chú: a: tổng số bài xuất bản/giảng viên; b: số bài quốc tế/giảng viên

Bảng 2 cho thấy có sự chênh lệch lớn giữa số lượng bài báo xuất bản trong nước và xuất bản quốc tế. Tổng số bài báo xuất bản tăng dần qua các năm, bên cạnh đó, tỷ lệ bài báo quốc tế cũng tăng từ 8,7%

vào năm 2013 lên 19,8% vào năm 2018. Đây là một tín hiệu đáng mừng đối với Trường Đại học Cần Thơ, cho thấy đội ngũ giảng viên đã chú trọng hơn đến việc xuất bản bài báo quốc tế.

**Bảng 3: Thực trạng xuất bản quốc tế của nữ giảng viên ở Trường Đại học Cần Thơ**

Chỉ tiêu\Năm	2014	2015	2016	2017	2018
Số lượng giảng viên có xuất bản quốc tế (người)	44	67	112	136	158
Số lượng giảng viên nữ có xuất bản quốc tế (người)	12	15	24	45	42
Tỷ lệ giảng viên nữ (%)	27,3	22,4	21,4	33,1	26,6

Nguồn: Trung tâm Thông tin & Quản trị mạng - Trường Đại học Cần Thơ, 2019

Bảng 3 cho thấy sự khác biệt khá rõ về tỷ lệ giới tính của giảng viên có xuất bản bài báo quốc tế. Mặc dù tỷ lệ giảng viên nữ khá cao (chiếm 53,4% tổng số giảng viên<sup>2</sup>), có khoảng hơn 20% bài báo được xuất bản bởi giảng viên nữ. Tỷ lệ này tăng lên vào năm 2017 với 33,1% số giảng viên có bài báo quốc tế là

nữ, tuy nhiên tỷ lệ này lại giảm trở lại vào năm 2018 với chỉ có 26,6% giảng viên đăng bài là nữ giới.

#### 3.2 Đặc điểm hoạt động của giảng viên được khảo sát

Nghiên cứu được thực hiện thông qua phỏng vấn trực tiếp 158 giảng viên của Trường Đại học Cần

<sup>2</sup> Số liệu từ Trung tâm Thông tin và Quản trị mạng, Trường Đại học Cần Thơ

Thơ. Trong số 158 giảng viên này, có 71 giảng viên nam và 87 giảng viên nữ, chiếm tỷ lệ lần lượt là 44,9% và 55,1%, phù hợp với tỷ lệ nam, nữ giảng viên của Trường Đại học Cần Thơ.

**Bảng 4: Trình độ chuyên môn của giảng viên**

Trình độ chuyên môn	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Cử nhân	1	0,6
Thạc sĩ	72	45,6
Nghiên cứu sinh	38	24,1
Tiến sĩ	47	29,7
Tổng	158	100

Nguồn: Kết quả khảo sát 158 giảng viên năm 2018

**Bảng 5: Mức độ yêu thích hoạt động NCKH quốc tế**

Mức độ yêu thích NCKH quốc tế	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Chỉ yêu thích xuất bản trong nước	11	7
Yêu thích xuất bản trong nước hơn quốc tế	43	27,2
Yêu thích xuất bản trong nước và quốc tế như nhau	65	41,1
Yêu thích xuất bản quốc tế hơn trong nước	29	18,4
Chỉ yêu thích xuất bản quốc tế	10	6,3
Tổng	158	100

Nguồn: Kết quả khảo sát 158 giảng viên năm 2018

Về trình độ, giảng viên, phần lớn, có trình độ thạc sĩ (chiếm tỷ lệ 45,6%) và giảng viên đang học

nghiên cứu sinh chiếm tỷ lệ cũng khá cao - 24,1%. Số lượng tiến sĩ cũng tương đối cao, cho thấy Trường đang có một đội ngũ tiềm năng để thực hiện NCKH.

Bảng 5 cho thấy phần lớn giảng viên yêu thích xuất bản bài báo trong nước hơn quốc tế với 54 giảng viên, chiếm tỷ lệ 34,2%. Chỉ có 29 giảng viên yêu thích xuất bản quốc tế hơn trong nước, chiếm tỷ lệ 18,4%. Còn lại 41,1% yêu thích xuất bản quốc tế và trong nước như nhau.

**Bảng 6: Số giờ nghiên cứu của giảng viên**

Số giờ nghiên cứu một tuần (giờ)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
0-10	76	48,1
11-20	65	41,1
21-30	12	7,6
31 trở lên	5	3,2
Tổng	158	100

Nguồn: Kết quả khảo sát 158 giảng viên năm 2018

Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo<sup>3</sup>, giảng viên phải dành 1/3 quỹ thời gian cho hoạt động nghiên cứu. Tuy nhiên qua Bảng 6 có thể thấy thời gian giảng viên cho nghiên cứu không nhiều. Có tới 76 giảng viên, chiếm tỷ lệ 48,1%, dành tối đa 10 giờ/tuần cho nghiên cứu. Điều này giải thích cho việc năng suất NCKH nói chung và năng suất NCKH quốc tế nói riêng chưa cao. Giảng viên cần tăng cường thời gian nghiên cứu để có thể nâng cao năng suất xuất bản bài báo trong nước và quốc tế.

**Bảng 7: Kinh phí dành cho nghiên cứu khoa học từ năm 2013 - 2018**

Loại đề tài	Số lượng (đề tài)	Tổng kinh phí (triệu)	Kinh phí trung bình (triệu/đề tài)
Đề tài có kinh phí dưới 150 triệu	28	985,6	35,2
Đề tài có kinh phí từ 150 triệu - dưới 300 triệu	11	2480,5	225,5
Đề tài có kinh phí từ 300 triệu - dưới 600 triệu	9	4.210,2	467,8
Đề tài có kinh phí từ 600 triệu trở lên	4	3.049,2	762,3
Tổng	52	10.725,5	206,3

Nguồn: Kết quả khảo sát 158 giảng viên năm 2018

Qua Bảng 7, nguồn kinh phí dành cho các đề tài nghiên cứu khoa học vẫn chưa cao, hiện tại đề tài cấp cơ sở của Trường Đại học Cần Thơ chỉ nhận

được nguồn kinh phí tài trợ tối đa là 30 triệu đồng; các đề tài cấp tỉnh, cấp bộ cũng ở mức trung bình 150 triệu/đề tài. Điều này chưa tạo được động lực

<sup>3</sup> Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo

cho giảng viên tham gia NCKH, vì NCKH quốc tế tốn nhiều thời gian, và có thể tốn chi phí đăng bài đáng kể. Những đề tài được tài trợ bởi các tổ chức tài trợ quốc tế, hoặc trong nước như Quỹ Nafosted với nguồn kinh phí trên 600 triệu/đề tài thì mới khuyến khích, hỗ trợ được giảng viên đăng bài quốc tế.

### 3.3 Các nhân tố ảnh hưởng đến năng suất công bố quốc tế của giảng viên Trường Đại học Cần Thơ

Những vấn đề được phân tích ở các phần trên chưa nêu rõ được tác động của các nhân tố đến năng suất nghiên cứu quốc tế. Do đó, phân tích hồi quy đa biến được tiến hành để có thể khẳng định được nhân tố nào tác động đến năng suất nghiên cứu của

giảng viên. Biến phụ thuộc là số lượng bài báo quốc tế của giảng viên.

Kết quả hồi quy cho thấy các nhân tố có tác động đến năng suất xuất bản quốc tế bao gồm: Giới tính, Trình độ chuyên môn, Nơi tốt nghiệp cao nhất, Mức độ yêu thích NCKH quốc tế, Thời gian nghiên cứu và Kinh phí hoạt động.

Nam giảng viên sẽ có năng suất xuất bản quốc tế cao hơn so với nữ. Kết quả này tương đồng với các nghiên cứu trước đó của Fox (1983), Bentley (2012) và Huỳnh Trường Huy (2014). Điều này có thể được lý giải bởi sự khác biệt giữa nam và nữ. Cụ thể, giảng viên nữ phải dành nhiều thời gian cho gia đình hơn và có sức khỏe yếu hơn cũng như cơ hội học tập nâng cao trình độ ít hơn so với giảng viên nam.

**Bảng 8: Kết quả hồi quy đa biến OLS**

Biến	Các biến độc lập	Hệ số ước lượng	Sai số chuẩn	Mức ý nghĩa
	Hằng số	2,432	0,566	0,000
X <sub>1</sub>	Giới tính	0,788***	0,125	0,000
X <sub>2</sub>	Trình độ chuyên môn	0,755***	0,393	0,000
X <sub>3</sub>	Nơi tốt nghiệp bằng cao nhất	0,879***	0,146	0,001
X <sub>4</sub>	Mức độ yêu thích NCKH quốc tế	1,65*	0,546	0,083
X <sub>5</sub>	Thời gian nghiên cứu	0,023**	0,006	0,000
X <sub>6</sub>	Kinh phí NCKH	0,01***	0,001	0,000
	R <sup>2</sup>	0,669		
	F	17,268		
	Sig	0,000		
	N	158		

Nguồn: Kết quả khảo sát 158 giảng viên năm 2018

Chú thích: \*, \*\*, \*\*\* tương ứng mức ý nghĩa 10%; 5%; 1% và n.s: không có ý nghĩa thống kê

Trình độ chuyên môn càng cao thì năng suất xuất bản quốc tế càng cao vì những bài báo quốc tế mang tính học thuật cao, có tính thực tiễn và cấp thiết nên đòi hỏi năng lực chuyên môn cũng như kinh nghiệm nghiên cứu cao của giảng viên.

Nơi tốt nghiệp bằng cấp cao nhất cũng có tác động đến công bố quốc tế. Giảng viên tốt nghiệp bằng cao nhất ở nước ngoài sẽ có năng suất xuất bản bài báo quốc tế cao hơn so với giảng viên tốt nghiệp trong nước. Điều này được giải thích là do giảng viên ở học tập ở nước ngoài có năng lực ngoại ngữ tốt, được tiếp cận với môi trường học thuật chuyên nghiệp và có nhiều cơ hội để rèn luyện năng lực nghiên cứu. Bên cạnh đó, giảng viên học tập ở nước ngoài phân lớn học ở những trường có uy tín, có đội ngũ giáo sư tốt, được hướng dẫn tận tâm, kỹ càng về hoạt động nghiên cứu. Vì vậy số lượng và chất lượng bài báo của giảng viên học ở nước ngoài sẽ

tốt hơn so với giảng viên học trong nước. Để nâng cao năng suất nghiên cứu của giảng viên, Trường nên có những chính sách ưu đãi, khuyến khích giảng viên học tập ở nước ngoài để vừa nâng cao năng lực ngoại ngữ, vừa được tiếp cận với môi trường học thuật cao.

Mức độ yêu thích NCKH quốc tế cũng tác động tích cực đến năng suất xuất bản bài báo quốc tế. Điều này cho thấy yếu tố sở thích cá nhân cũng đóng vai trò quan trọng trong việc lựa chọn NCKH cũng như năng suất làm việc của giảng viên. Điều này cũng tương đồng với nghiên cứu của Fox (1983) khi cho rằng sở thích sẽ ảnh hưởng tích cực đến năng suất làm việc. Trường nên khuyến khích giảng viên chú trọng nghiên cứu quốc tế, cũng như có những chính sách hợp lý đối với công trình quốc tế bằng các hình thức khen thưởng.

Thời gian nghiên cứu cũng ảnh hưởng đến năng suất nghiên cứu của giảng viên. Mô hình hồi quy cho thấy cứ 10 giờ nghiên cứu tăng lên trong một tuần sẽ góp phần tăng lên 2,3 bài báo quốc tế trong khoảng thời gian 5 năm. Như vậy yếu tố then chốt để nâng cao số lượng bài báo xuất bản vẫn là giảng viên nên dành nhiều thời gian hơn cho hoạt động nghiên cứu. Tuy nhiên, điều này không phải dễ thực hiện vì giảng viên vẫn còn nhiều áp lực thời gian dành cho hoạt động giảng dạy, công việc của khoa, trường và hoạt động quản lý.

Kinh phí NCKH cũng tác động đến năng suất xuất bản quốc tế của giảng viên. Cứ 1% kinh phí dành cho NCKH tăng lên sẽ làm tăng số lượng bài báo lên 0,01 bài. Đối với những đề tài có kinh phí lớn, khả năng đăng bài quốc tế sẽ cao hơn rất nhiều so với những đề tài có kinh phí thấp. Điều này cũng được thể hiện ở chỗ, phần lớn giảng viên có bài báo xuất bản quốc tế thường có tham gia đề tài, dự án quốc tế hoặc dự án có nguồn kinh phí lớn (như đề tài cấp Bộ, cấp Nhà nước,...).

Từ việc khảo sát thực tế và phân tích mô hình hồi quy đa biến, nghiên cứu đã xác định được các nhân tố ảnh hưởng đến năng suất xuất bản quốc tế của giảng viên Trường Đại học Cần Thơ. Những nhân tố này phù hợp với thực trạng và là nền tảng cho những chính sách hợp lý để có thể nâng cao năng suất nghiên cứu của giảng viên.

#### 4 KẾT LUẬN VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH

Trong những năm gần đây, Trường Đại học Cần Thơ đã có nhiều chính sách nhằm thúc đẩy hoạt động NCKH quốc tế, tuy nhiên số lượng bài báo quốc tế còn thấp, tỷ lệ giảng viên đăng bài quốc tế chưa cao. Qua phân tích mô hình hồi quy đa biến từ 158 quan sát, nghiên cứu đã xác định được sáu nhân tố tác động đến năng suất xuất bản quốc tế bao gồm: Giới tính, Trình độ chuyên môn, Nơi tốt nghiệp cao nhất, Mức độ yêu thích NCKH quốc tế, Thời gian nghiên cứu và Kinh phí hoạt động.

Để nâng cao năng suất xuất bản quốc tế, Trường Đại học Cần Thơ có thể có một số chính sách như: khuyến khích giảng viên học tập và làm việc ở nước ngoài (thông qua hình thức trao đổi giảng viên ngắn hạn), tăng nguồn kinh phí cho hoạt động NCKH quốc tế, giảm thời lượng giảng dạy của giảng viên và khuyến khích giảng viên tăng số giờ nghiên cứu một tuần,...

Hạn chế của nghiên cứu là chỉ mới xác định được các nhân tố ảnh hưởng đến năng suất xuất bản bài báo của giảng viên hay số lượng bài báo do giảng viên công bố mà chưa phân tích được chất lượng của những bài báo này. Trong tương lai cần có một nghiên cứu khác phân tích được những nhân tố tác động đến chất lượng của bài báo được xuất bản bởi giảng viên, từ đó có những giải pháp thiết thực nhằm nâng cao toàn diện khả năng nghiên cứu của giảng viên cũng như nâng cao danh tiếng của Trường Đại học Cần Thơ.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bentley, P., 2012. Gender differences and factors affecting publication productivity among Australian university academics. *Journal of Sociology*, 48(1): 85 – 103.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2014. Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT quy định “Chế độ làm việc đối với giảng viên”, ngày truy cập: 20/11/2019. Địa chỉ: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-duc/Thong-tu-47-2014-TT-BGDĐT-Quy-dinh-che-do-lam-viec-doi-voi-giang-vien-264369.aspx>
- Fox, M. F., 1983. Publication productivity among Scientists: A critical review. *Social Studies of Science*, 13(2): 285 – 305.
- Hadjinicola, G. C. and Soteriou, A. C., 2006. Factors affecting research productivity of production and operations management group: an empirical study. *Advances in Decision Sciences*: 1 – 16.
- Huỳnh Trường Huy, 2014. Năng suất nghiên cứu khoa học: Xây dựng các giả thuyết đối với trường hợp của Trường Đại học Cần Thơ, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 32D: 25-35.
- Hughes, C. A., 1998. Factors related to Faculty publishing productivity. *Proceedings of the IATUL Conferences*. 27 to 29 June 1998, Purdue University, Indiana, America. Available at: <http://docs.lib.purdue.edu/iatul/1998/papers/14>
- Huỳnh Thanh Nhã, 2016. Các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tham gia nghiên cứu khoa học của giảng viên các trường cao đẳng công lập ở thành phố Cần Thơ. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 46D: 20 – 29.
- Nguyễn Trọng Tuấn, 2013. Thực trạng kỹ năng nghiên cứu khoa học của giảng viên ngoài công lập tại thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí khoa học Đại học sư phạm TPHCM*, 50: 23 – 28.
- Phan Thị Tú Nga, 2011. Thực trạng và các biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên Đại học Huế. *Tạp chí khoa học Đại học Huế*, 68: 67 – 78.